

QUÁ TRÌNH TỰ CƯ, KHAI PHÁ LÀNG HÀ THANH
(XÃ VINH THANH, HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ)
TỪ GIỮA THẾ KỶ XVI ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XIX

Mai Văn Được

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: maiduoc@husc.edu.vn

Ngày nhận bài: 27/9/2024; ngày hoàn thành phản biện: 14/10/2024; ngày duyệt đăng: 20/3/2025

TÓM TẮT

Làng Hà Thanh thuộc xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, được thành lập vào giữa thế kỷ XVI dưới thời chúa Nguyễn Hoàng. Các vị họ Nguyễn Công, Phan, Trần, Đỗ, Nguyễn Viết, Nguyễn Văn, Dương, Lê lần lượt chọn vùng đất Hà Thanh làm chỗ dừng chân để khai phá đất đai, sinh cơ lập nghiệp. Đến khoảng cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, làng Hà Thanh có thêm các họ Nhậm (sau đổi thành họ Duyệt), Hồ, Đào, Huỳnh, Võ cùng định cư sinh sống tại làng. Công cuộc khai phá của các họ tộc này diễn ra trong bối cảnh di dân khai phá vùng đất ven biển Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn diễn ra nhanh chóng. Làng Hà Thanh có mối quan hệ đặc biệt với chính quyền chúa Nguyễn, được chúa Nguyễn ban chính sách ưu đãi riêng. Điều này đã tạo nên nét đặc sắc trong văn hóa làng xã ở Hà Thanh nói riêng, tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung.

Từ khóa: Khai phá, làng Hà Thanh, tự cư.

1. MỞ ĐẦU

Tỉnh Thừa Thiên Huế có bờ biển dài khoảng 120 km [13, tr. 10]. Các làng xã ven biển Thừa Thiên Huế phân bố dọc bờ biển kéo dài từ xã Diên Hương (huyện Phong Điền) đến thị trấn Lăng Cô (huyện Phú Lộc)¹. Năm 1306, vùng đất Thừa Thiên Huế được sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt. Từ đây, các lớp cư dân người Việt từ phía Bắc di dân vào khai phá, lập nên các làng xã. Quá trình tự cư lập làng của các lớp cư dân người Việt ở vùng đất Thừa Thiên Huế dưới thời Trần - Hồ diễn ra tương đối chậm. Đầu thời thuộc Minh, cả vùng đất Hóa Châu chỉ có khoảng 40 làng được thành lập [14, tr. 48]. Sang thời Lê - Mạc, công cuộc khai phá lập làng diễn ra nhanh chóng. Đến giữa

¹ Trong nghiên cứu này, chúng tôi xác định đối tượng nghiên cứu là các làng cổ truyền và có giáp với biển.

thế kỷ XVI, theo ghi chép của Dương Văn An trong *Ô châu cận lục*, vùng đất Thừa Thiên Huế có tổng cộng 180 xã¹ [1, tr. 56-65]. Đến cuối thế kỷ XVIII, theo ghi chép của Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục*, vùng đất Thừa Thiên Huế thời bấy giờ có 3 huyện với số lượng làng xã như sau: Huyện Hương Trà có 81 xã, 7 thôn, 18 phường, 1 giáp; huyện Phú Vang có 78 xã, 9 thôn, 52 phường, 4 sách, 1 chợ; huyện Quảng Điền có 74 xã, 7 thôn, 7 phường [7, tr. 58-60]. Nhìn chung, làng xã ở Thừa Thiên Huế được thành lập dưới thời Lê - Mạc tương đối nhiều. Mặc dù vậy, làng xã ở vùng ven biển Thừa Thiên Huế không đi theo dòng chảy đó. Đến giữa thế kỷ XVI, cư dân người Việt đến vùng đất ven biển Thừa Thiên Huế để tụ cư khai phá lập làng tương đối ít. Suốt từ đầu thế kỷ XV - khi có làng đầu tiên được thành lập cho đến giữa thế kỷ XVI, trên vùng đất ven biển Thừa Thiên Huế chỉ có một số làng được thành lập, như Hoà Duân, Toàn Công (Thành Công), Bình Trị (Vĩnh Trị), Cửa Đới (Cự Lại), Kế Chung (Kế Sung), Đông Dương, Thai Dương². Từ khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ xứ Thuận Hóa (năm 1558), vùng đất ven biển mới được khai phá một cách mạnh mẽ, lập nên nhiều làng xã mới, tạo nên một bức tranh làng xã tương đối hoàn chỉnh. Trong bối cảnh đó, làng Hà Thanh (nay thuộc xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, thành phố Huế) là một làng ven biển được thành lập dưới thời chúa Nguyễn Hoàng và tiếp tục được các lớp cư dân người Việt đến tụ cư khai phá đất đai trong thế kỷ XVII - XVIII.

So với nhiều làng xã Bắc Bộ, quá trình tụ cư, khai phá lập nên làng Hà Thanh diễn ra tương đối muộn. Đây là đặc điểm chung của nhiều làng xã miền Trung. Tuy vậy, việc lập làng Hà Thanh có nhiều điểm riêng, đặc biệt là gắn với công lao phò tá chúa Nguyễn Hoàng. Chính vì công lao đó, làng Hà Thanh được hưởng chính sách ưu đãi, tạo nên một mối quan hệ “làng - nước” khá đặc biệt dưới thời chúa Nguyễn.

2. NỘI DUNG

2.1. Sự tụ cư khai phá lập nên làng Hà Thanh

Dưới thời chúa Nguyễn, tốc độ di dân đến vùng ven biển Thừa Thiên Huế diễn ra nhanh chóng. Một số lượng lớn cư dân người Việt đến đây khai phá đất đai lập nên các làng xã mới cũng như cùng cộng cư với lớp cư dân trước đó. Từ đó hình thành nên

¹ Trong bản dịch của mình, tác giả Trần Đại Vinh còn bổ chú thêm các xã được nhắc đến trong phần phong tục, tổng cộng là 186 xã.

² Hiện nay làng Hòa Duân thuộc xã Phú Thuận (huyện Phú Vang), làng Thành Công thuộc xã Quảng Công (huyện Quảng Điền), làng Vĩnh Trị thuộc xã Hải Dương (thành phố Huế), làng Cự Lại thuộc xã Phú Hải (huyện Phú Vang), làng Kế Sung thuộc xã Phú Diên (huyện Phú Vang), làng Đông Dương thuộc xã Vinh Hiền (huyện Phú Lộc), làng Thai Dương sau tách thành Thai Dương Thượng, Thai Dương Hạ Thượng Giáp thuộc xã Hải Dương và Thai Dương Hạ Hạ Giáp thuộc thị trấn Thuận An (thành phố Huế).

các làng: An Dương, Phương Diên, Diên Lộc, Thanh Dương, Mai Vĩnh, Tân Sa, Khánh Mỹ, Kế Võ, Xuân Thiên, Hà Thanh, An Bằng, Mỹ Lợi, Mỹ Á, Phụ An, Cổ Dù, Cảnh Dương, Đông An, Bình An, Phú Hải và An Cư¹. Sang cuối thế kỷ XVIII, tốc độ di dân chậm lại, một số ít cư dân đến khai phá lập nên làng Mỹ Trạng và làng Lập An².

Trong số các làng trên, làng Hà Thanh cùng với các làng An Dương, Phương Diên, Diên Lộc, Mai Vĩnh, Khánh Mỹ, Tân Sa, Kế Võ, Xuân Thiên, An Bằng, Mỹ Lợi, Mỹ Á và Phụ An được thành lập dưới thời chúa Nguyễn Hoàng. Năm 1558, Nguyễn Hoàng được vua Lê cử vào trấn thủ vùng Thuận Hóa, tạo ra bước ngoặt mới cho công cuộc di dân khai phá hình thành và mở rộng làng xã ở vùng ven biển Thừa Thiên Huế. Sự kiện này được *Đại Nam thực lục tiền biên* chép như sau: “Mậu Ngọ, năm thứ 1 [1558]..., mùa đông, tháng 10, chúa bắt đầu vào trấn thủ Thuận Hóa, 34 tuổi. Những người bộ khúc đồng hương ở Tống Sơn và những người nghĩa dũng xứ Thanh Hoa đều vui lòng đi theo” [8, tr. 28]. Vào cùng lúc với chúa Nguyễn Hoàng đi trấn thủ Thuận Hóa có 2 ông họ Nguyễn, Phan làng Hà Thanh và 8 ông họ Lê, Trương, Nguyễn Bá, Nguyễn Văn, Đỗ, Sào, Đoàn Văn Bài, Trần làng Mỹ Lợi. Họ là những binh lính nằm trong đoàn quân Nam tiến và cùng quê Thanh Hóa với chúa Nguyễn Hoàng.

Vào năm Mậu Ngọ đầu niên hiệu Chính Trị (1558), hai ông Nguyễn Công Chánh và Phan Bá Tùng vào trấn Thuận Hóa hộ giá, bao chiếm địa bộ, lập nền cho đời sau. Gia phả hai họ Nguyễn, Phan cho biết hai ông có nguồn gốc từ xã Thanh Đồng, tổng Ngọc Sơn, huyện Nông Cống, trấn Thanh Hoa (nay là xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa), đều là binh tướng của chúa Nguyễn Hoàng [4, tr. 194]. Trên bia mộ của ngài Nguyễn Công Chánh được khắc vào năm Bính Dần niên hiệu Bảo Đại (1926) chép như sau: “Ngài tiên đại khai canh là Nguyễn Công đại lang, vào khoảng niên hiệu Chính Trị triều Lê đã cùng ngài họ Phan Bá, đã đi về phương Nam, tìm kiếm gian nan, bao chiếm lập nên phường Hà Thanh, phía Đông giáp biển, phía Tây giáp sông, phía Nam giáp xứ Càng Lô của phường Hà Úc, phía Bắc giáp dân cư xứ Cây Lộc của phường Xuân Thiên, canh tác lập nên địa bạ, bao gồm các xứ Trầm Niên, Lòi Nai, Rành Rành và 7 xứ đất hoang, diện tích thật lớn thay” [16, tr. 259]. Tờ kiểu năm Vĩnh Thịnh thứ 17 (1721) lưu tại làng Hà Thanh

¹ Hiện nay làng An Dương thuộc xã Phú Thuận, làng Phương Diên, Diên Lộc và Thanh Dương thuộc xã Phú Diên, làng Mai Vĩnh, Tân Sa, Khánh Mỹ, Kế Võ, Xuân Thiên (tách thành Xuân Thiên Thượng và Xuân Thiên Hạ) thuộc xã Vinh Xuân, làng An Bằng thuộc xã Vinh An (huyện Phú Vang); làng Mỹ Lợi thuộc xã Vinh Mỹ, làng Mỹ Á thuộc xã Giang Hải, làng Phụ An thuộc xã Vinh Hiền, làng Phụ An thuộc xã Vinh Hiền, làng Cổ Dù, Cảnh Dương, Đông An, Bình An, Phú Hải thuộc xã Lộc Vĩnh, làng An Cư sau tách thành An Cư Đông và An Cư Tây thuộc thị trấn Lăng Cô (huyện Phú Lộc).

² Làng Mỹ Trạng nay thuộc xã Phú Diên (huyện Phú Vang) và làng Lập An thuộc thị trấn Lăng Cô (huyện Phú Lộc).

còn phản ánh lại công lao đó như sau: “Vào tiền triều có lập 3 chiếc thuyền lưới phò tá đức Tiên vương có công” [10].

Theo tài liệu *Kiến canh địa bộ khai canh* sao lại vào năm Khải Định thứ 2 (1917), hai ông Nguyễn Công Chánh và Phan Bá Tùng đã cùng nhau khai phá được 1 thửa ở xứ Trầm Niên với 63 mẫu, Đông cận biển, Tây cận sông, Nam cận Cang Lô, Bắc cận Bàu Nổ. Ông Nguyễn Công Chánh canh riêng 2 thửa: 1 thửa ở xứ Tiền Miếu 16 mẫu, 8 sào, Đông cận Lò Miếu, Tây cận ruộng bức Nam Phổ, Nam cận ruộng bức Nam Phổ, Bắc cận ruộng ông Phiến; 1 thửa 8 sào, Đông cận Lò Miếu, Tây cận ruộng bức Nam Phổ, Nam cận ruộng bức Nam Phổ, Bắc cận ruộng ông Hoắc [15, tr. 56 - 57]. Công lao khai phá đất đai của hai vị Nguyễn Công Chánh và Phan Bá Tùng khá lớn, đã đặt cơ sở quan trọng cho sự ra đời của làng Hà Thanh, cũng như sự phát triển của họ Nguyễn, họ Đỗ và quá trình tụ cư giai đoạn sau của các lòng họ khác tại ngôi làng này. Với công lao đó, ông Nguyễn Công Chánh và Phan Bá Tùng trở thành “bốn tổ tiên khai canh” của làng Hà Thanh, được triều Nguyễn nhiều lần ban tặng sắc phong, mỹ tự “Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò Tôn thần”, gia tặng “Đoan Túc tôn thần”.

Một trường hợp tương tự với làng Hà Thanh là 8 vị khai canh làng Mỹ Lợi. Bài tựa chi phả họ Nguyễn làng Mỹ Lợi có đoạn chép: “Kính nghĩ: Ngài thủy tổ ta tên Bá Niên, nguyên người xã Lương Niệm, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, trấn Thanh Hoa (nay tỉnh Thanh Hóa), đầu niên hiệu Chính Trị (1558) đời Lê, theo quân đội vào Nam ở xứ Thuận Hóa (nay phủ Thừa Thiên), đến năm Chính Trị thứ mười (1567), kết hợp với các ngài cùng quê (làng Lương Niệm) họ Lê, họ Trương, họ Nguyễn, họ Sào, họ Đỗ, họ Đoàn, họ Trần đứng đơn xin khai trưng phần đất ấp ta, vạch ranh giới, mở ruộng nương, làm lợi cho dân suốt hơn bốn trăm năm lại nay” [2, tr. 359]. Khai canh tổ bát vị sự tích của làng Mỹ Lợi cho biết: “Tám ngài Tổ khai canh làng ta được sắc phong Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò, tặng thêm Đoan Túc tôn thần (chín đạo sắc phong, trong đó một đạo hợp phong), là người xã Lương Niệm tỉnh Thanh Hóa. Các ngài vốn trong đám quân sĩ năm Chính Trị triều Lê theo phò chúa Tiên (tức đức Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế triều ta) vào trấn thủ Thuận Hóa (nay Thừa Thiên). Sau khi yên việc, các ngài bèn cùng đứng đơn kê khai trưng phần đất ấp ta (Đông giáp biển và ấp Mỹ Á, Nam giáp hai xã Nghi Giang, Đơn Chế, Tây giáp ba xã Diêm Trường, Phụng Chánh, Lương Viện, Bắc giáp biển và ấp An Bằng), đặt tên là phường Mỹ Toàn (sau đổi thành ấp Mỹ Lợi), để lại đến trăm đời sau” [2, tr. 263]. Tám vị khai canh đến sớm nhất ở làng Mỹ Lợi là: Lê Văn Dài, Trương Văn Trực, Nguyễn Văn Đầu, Nguyễn Bá Niên, Đỗ Văn Lịch, Sào Văn Liễu, Đoàn Văn Bài, Trần Văn Nghĩa¹. Họ cùng nhau lập nên làng Mỹ Lợi sau khi hết nhiệm vụ tòng quân.

Cùng trong đoàn quân của chúa Nguyễn có ông Huỳnh Văn Gộc, thủy tổ họ Huỳnh làng Mỹ Á. Ông tham gia giữ cửa biển Tư Hiền, có công dùng trâu cày khơi

¹ Trong đó, hai vị Đỗ Văn Lịch và Sào Văn Liễu hiện nay không còn hậu duệ.

cửa biển này (hiện nay vẫn còn ngôi miếu nằm ở đoạn sông mà ông đã có công khơi). Về sau, ông khai phá lập nên làng Mỹ Á, nhưng chỉ nhận là khai khẩn. Sau đó một thời gian ngắn, các vị họ Lê, Phạm, Nguyễn khai canh làng Mỹ Á vào vùng này, khoảng cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII. Theo lời kể của các cao niên làng Mỹ Á, họ Lê và họ Phạm chỉ truyền nối được vài đời, về sau vô tự; họ Nguyễn truyền đến nay được 16 đời.

Trong đợt chúa Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa lần thứ 2 (năm 1570) có ba vị Nguyễn Linh quý công, Trần quý công và Hoàng quý công đi theo. Ba ông ở thôn An Ba, xã Cù Hà, huyện Khang Lộc (nay nằm cạnh cửa biển Nhật Lệ, tỉnh Quảng Bình) có công phò tá giúp chúa Nguyễn đánh giặc “Mỹ quận” năm 1571¹. Các tờ thị năm Vĩnh Thịnh 14 (1718), Vĩnh Hựu thứ 5 (1739), Cảnh Hưng thứ 26 (1766) của chúa Nguyễn ban cho làng An Bằng phản ánh công lao phò tá của ba vị khai canh làng An Bằng: “bốn phường có công ứng nghĩa đón rước đức chúa Tiên”².

Ông họ Trần làng Tân Sa cũng là người phò tá chúa Nguyễn Hoàng. *Trần tộc đệ nhất chi phổ* của họ Trần chi Nhất làng Tân Sa soạn năm Kiến Phúc nguyên niên (1884) cho biết: “Thủy tổ khảo Bốn thổ khai canh Trần quý công tôn thần là con của ngài sơ tổ, người tỉnh Bắc thành; quê quán, quan chức, năm sinh, tên húy đều không rõ. Ngài vốn theo chúa Nguyễn xây dựng kinh đô ở Thuận Hóa. Cùng ngài họ Lê khai tịch vùng đất này lập thành một ấp”³. Qua khảo sát thực địa, họ Trần đến nay truyền được 17-18 đời, ước tính cũng được hơn 450 năm.

Ngoài các cuộc di dân mang tính tổ chức (theo phò chúa Nguyễn Hoàng), từ giữa thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVII còn có nhiều lớp cư dân vào tự cư khai phá trên vùng đất ven biển Thừa Thiên Huế. Đó là các trường hợp: “Bát tộc khai canh” của làng An Dương, các họ Ngô Đức, Nguyễn Văn (2 họ), Trương Viết, Trương Phước, Phan, Nguyễn Thanh, Võ Văn; các ông Tô Công Hạp, Phạm Văn Thành, Nguyễn quý công làng Mai Vinh; các ông Hoàng Bồ, Nguyễn Đàm, Phạm Mô, Võ Quang, Trần Hưng, Lê Bàn, Văn Diệp và bà Nguyễn Thị Điều làng Xuân Thiên; ông Đinh Khắc Khảm làng Kế Võ; ông họ Huỳnh và họ Phan khai canh làng Phụ An [6, tr. 40, 41, 49, 51, 52, 56].

¹ Đại Nam thực lục tiền biên chép sự kiện năm 1571, Mỹ Lương, Văn Lan và Nghĩa Sơn (đều không rõ họ) nổi loạn, bị chúa Nguyễn Hoàng đánh dẹp yên.

² Nguyên văn: 本坊有功應義扶德仙王 - bốn phường hữu công ứng nghĩa phù đức Tiên vương.

³ Nguyên văn: 始祖考本土開耕陳貴公尊神乃初祖之子也北城人省貫官職年生諱字皆未詳貴公元隨阮主建都順化與黎貴公開籍本土建為一邑 - Thủy tổ khảo Bốn thổ khai canh Trần Quý công tôn thần nãi sơ tổ chi tử dã, Bắc thành nhân tỉnh, quán, quan chức, niên sanh, húy tự giai vị tường. Quý công nguyên tùy Nguyễn chúa kiến đô Thuận Hóa. Dữ Lê quý công khai tịch bốn thổ kiến vi nhất ấp.

2.2. Quá trình tiếp tục tụ cư khai phá đất đai, mở rộng làng Hà Thanh

Sau sự kiện đặt nền móng của hai ông Nguyễn Công Chánh và Phan Bá Tùng, hai ông họ Trần và họ Đỗ đến làng Hà Thanh khai phá đất đai, trở thành lớp họ thứ hai. Khoảng 50 năm sau khi họ Nguyễn Công và Phan lập làng Hà Thanh, tiên tổ họ Trần đã tới Hà Thanh lập nghiệp. Đầu thế kỷ XVII, ông Đỗ Văn Lực cũng đến tụ cư tại làng Hà Thanh [4, tr. 194]. Ông Nguyễn Công Sơn con của Nguyễn Công Chánh và ông Phan Văn Trận con của Phan Bá Tùng đã tiếp nối cha mình khai phá đất đai. Theo tài liệu *Kiến canh địa bộ khai canh*, ông Nguyễn Công Sơn khai canh 2 thửa: 1 thửa ở xứ Lôi Nại 17 mẫu, 8 sào, Đông cận núi, Tây cận sông cái, Nam cận Cang Lô, Bắc cận bốn xã; 1 thửa xứ Lôi Nại 8 sào, Đông cận núi, Tây cận bốn xã, Nam cận Vịnh Vệt, Bắc cận Cây Lộc. Ông Phan Văn Trận khai canh 1 thửa xứ Rành Rành 4 mẫu, 1 sào, Đông cận Bọc Nồng, Tây cận bốn xã, Nam cận Vịnh Vệt, Bắc cận Cây Lộc [15, tr. 57]. Hai ông Nguyễn Công Sơn, Phan Văn Trận và hai ông họ Trần, Đỗ được liệt vào hàng khai canh của làng. Bốn vị này về sau được triều Nguyễn ban tặng sắc phong khai canh, mỹ tự “Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò tôn thần”, gia tặng “Đoan Túc tôn thần”.

Khoảng giữa thế kỷ XVII, các họ Nguyễn Viết, Nguyễn Văn, Dương, Lê đến tụ cư và khai phá đất hoang, tạo nên nhiều xứ đồng trù phú. Đây là lớp họ thứ ba, tiên tổ của các họ này đều đứng tên trong *Kiến canh địa bộ khai canh*, gồm 14 vị: Nguyễn Viết Quý, Nguyễn Văn Duyên, Phan Văn Hy, Nguyễn Văn Tô, Phan Văn Thanh, Nguyễn Văn Triều, Dương Công Trí, Nguyễn Văn Dầm, Phan Văn Đỗ, Phan Tiến Đức, Nguyễn Văn Hợp, Nguyễn Văn Miên, Lê Văn Hối, Lê Văn Thân [15, tr. 56 - 58]. Về sau, triều Nguyễn ban tặng sắc phong khai khẩn cho các ông: Nguyễn Viết Quý, Nguyễn Văn Duyên, Phan Tiến Đức, Dương Công Trí, Lê Văn Hối; mỹ tự “Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò tôn thần”, gia tặng “Đoan Túc tôn thần”.

Cũng giống với làng Hà Thanh, trong thế kỷ XVII, các lớp cư dân đến tụ cư trên vùng đất ven biển Thừa Thiên Huế chủ yếu là di dân tự do. Đây chính là lực lượng bổ sung vào các làng đã thành lập trước đó và một số lập nên làng mới, đẩy nhanh quá trình khai phá vùng đất ven biển này. Năm 1644, có ông Nguyễn Xuân Vi vào khai phá làng Khánh Mỹ. Gia phả họ Nguyễn Xuân làng Khánh Mỹ chép: “Tháng 6 năm Giáp Thân niên hiệu Phúc Thái thứ hai (1644) (đời vua Lê Chân Tông) Nguyễn Xuân Vi từ Thanh Hóa vào Nam đến định cư Thuận Hóa”. Khoảng giữa thế kỷ XVII, ông Nguyễn Văn Hương đến khai phá làng Phương Diên. Cũng khoảng thời gian này ông Trần Quý Công (thủy tổ họ Trần Văn) cũng đến vùng đất này. Hai ông Nguyễn Văn Hương và Trần quý công trở thành “Bốn thổ khai canh” làng Phương Diên. Khoảng thời Cảnh Trị (1663 - 1671), 15 vị gồm Bùi Bá Thọ, Huỳnh Văn Cập, Nguyễn Văn Chử, Lại Văn Sách, Huỳnh Văn Liên, Nguyễn Đức Trụ, Huỳnh Văn Xuân, Huỳnh Văn Trọng, Đồng Văn Túc, Lại Bá Niên, Lê Văn Biện, Lương Văn Đồn, Huỳnh Văn Nông, Lương Văn Trấn, Đoàn Đắc Phước có công tiếp tục khai phá làng Mỹ Lợi. Khoảng cuối thế kỷ XVII, các

vị họ Đỗ, họ Nguyễn và ông Nguyễn Văn Minh, Dương Văn Nho vào vùng ven cửa biển Hải Vân và đầm Sam để khai phá lập nên Phước An Cây Mít tộc (nay là làng An Cư Đông và An Cư Tây). Cuối thế kỷ XVII, ông Huỳnh Văn Lau - thủy tổ họ Huỳnh làng Hòa Duân từ Thanh Nghệ vào đây sinh sống. Ông trở thành người có công khai khẩn làng Hòa Duân. Qua khảo sát thực địa tại làng Hòa Duân, họ Huỳnh đến nay truyền được khoảng 14-15 đời. Cùng với họ Huỳnh là họ Hồ di cư từ làng Công Lương (nay thuộc xã Thủy Vân, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế) đến Hòa Duân chung sức khai phá. Cũng khoảng thời gian này, ông Phạm Văn Vị đến sinh sống tại làng Kế Võ. Sau đó cháu nội ông là Phạm Văn Nhịp chuyển về sinh sống tại làng Xuân Thiên, khai phá đất đai, được phong làm “*Bốn thổ khai khẩn*” của làng Xuân Thiên.

Từ đầu thế kỷ XVIII trở đi, làng Hà Thanh không đón nhận thêm các họ tộc đến tụ cư. Phải đến khoảng cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, Hà Thanh mới có thêm các họ Nhậm (sau đổi thành họ Dụng), Hồ, Đào, Huỳnh, Võ đến quần tụ sinh sống tại làng. Trong khi đó, thời điểm cuối thế kỷ XVII - nửa đầu thế kỷ XVIII, trên vùng đất ven biển phía Nam cửa biển Tư Hiền vào đến cửa biển Hải Vân có nhiều cư dân đến tụ cư, khai phá vùng đất này, lập nên các làng Cổ Dù, Cảnh Dương, Đông An, Bình An và Phú Hải.

Nhìn chung, quá trình tụ cư khai phá làng Hà Thanh diễn ra mạnh mẽ trong khoảng một thế kỷ, từ giữa thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVII. Hình thành nên 3 lớp họ: lớp thứ nhất là Nguyễn Công, Phan; thứ hai là Trần, Đỗ; thứ ba là Nguyễn Viết, Nguyễn Văn, Dương, Lê. Địa bạ làng Hà Thanh ghi năm Thịnh Đức 7 (1659)¹ cho biết làng có 36 mẫu, 1 sào, 7 thước, 5 tấc ruộng hạng 3; 10 mẫu ruộng đất công và 64 mẫu, 4 sào ruộng bỏ hoang. Mặc dù tổng số ruộng đất tương đối nhiều nhưng ruộng đất thực canh của làng Hà Thanh ở mức thấp, ruộng bỏ hoang nhiều. Tuy vậy, nhìn vào một số ít người đứng tên trong địa bạ cho thấy tỷ lệ ruộng đất chia cho người canh tác là tương đối cao. Sang thế kỷ XIX, khi dân số tăng lên, có nhiều dòng họ khác đến tụ cư tại làng Hà Thanh thì ruộng đất mới được sử dụng có hiệu quả hơn. Minh chứng là vào năm Gia Long 11 (1812), trong địa bạ của làng chép số lượng ruộng thực trưng là 66 mẫu, 1 sào, 7 thước, 5 tấc; riêng năm 1812 mới trưng 2 mẫu, 1 sào [5]. Năm Minh Mạng thứ 11 (1830), theo *Bản kê khai về ruộng đất và thuế* của ấp Hà Thanh, ruộng làng

¹ Địa bạ làng Hà Thanh ghi niên hiệu Thịnh Đức thứ 7; tuy nhiên, qua tra cứu chúng tôi nhận thấy không có năm Thịnh Đức thứ 7, niên hiệu Thịnh Đức là của Lê Thần Tông đặt trong 6 năm từ năm 1653 đến năm 1658. Có một hiện tượng nhiều văn bản Hán - Nôm thời chúa Nguyễn được phát hiện ghi sai niên hiệu. Điều này được lý giải là trong các văn bản, giấy tờ chúa Nguyễn vẫn sử dụng niên hiệu của vua Lê nhưng do sự đối địch, phân chia Đảng Trong - Đảng Ngoài nên có thể việc cập nhật niên hiệu của vua Lê bị chậm trễ. Tuy nhiên, ở trường hợp này chúng tôi cho rằng bản địa bạ làng Hà Thanh ghi nhầm niên hiệu Cảnh Trị thứ 7 (1669) thành Thịnh Đức thứ 7. Nếu như địa bạ được soạn năm Cảnh Trị thứ 7 thì hoàn toàn phù hợp với việc chúa Nguyễn cho quan lại tiến hành đo đạc ruộng đất, lập địa bạ vào năm 1669.

Hà Thanh có là 85 mẫu, 5 sào, 13 thước, 1 tấc [3]. Đến năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), theo *Tờ trình kê khai về sổ sách cũ ghi chép ruộng đất và thuế* của ấp Hà Thanh, diện tích ruộng của Hà Thanh là 108 mẫu, 4 sào, 8 thước, 1 tấc [11]. Và, vào năm Kiến Phúc thứ 1 (1884) trong *Tờ trình về việc tu điền bạ* của ấp Hà Thanh chép ruộng hiện trưng làng Hà Thanh là 115 mẫu, 3 sào, 11 thước, 9 tấc, 5 phân, 2 ly [12].

2.3. Mối quan hệ đặc biệt giữa làng Hà Thanh với chính quyền chúa Nguyễn

Trên vùng đất ven biển Thừa Thiên Huế, quá trình di dân của các lớp cư dân đến tụ cư khai phá làng xã diễn ra theo hai hình thức chủ đạo là có tổ chức và tự do. Ở làng Hà Thanh cũng diễn ra theo hai hình thức này. Ở đây, chúng tôi xin nhấn mạnh về hình thức có tổ, đó là trường hợp của ông Nguyễn Công Chánh và Phan Bá Tùng của làng Hà Thanh. Cùng với đó là 8 ông họ Lê, Trương, Nguyễn Bá, Nguyễn Văn, Đỗ, Sào, Đoàn Văn Bài, Trần làng Mỹ Lợi; 3 vị Nguyễn Linh quý công, Trần quý công và Hoàng quý công của làng An Bằng; ông họ Trần khai canh làng Tân Sa. Đây là những trường hợp có nhiều sử liệu ghi chép; một số trường hợp như ông Huỳnh Văn Gộc làng Mỹ Á chúng tôi chưa có nguồn sử liệu chính xác để xác thực mà chỉ được nghe qua truyền khẩu trong dân gian. Các vị trên đều có chung một điểm là có công phò tá chúa Nguyễn Hoàng trong buổi đầu đứng chân tại vùng đất Thuận Hóa. Chính vì vậy, họ có những ân điển, tạo nên mối quan hệ riêng giữa làng xã với Nội phủ của chúa Nguyễn.

Đối với làng Hà Thanh, về mặt hành chính làng này thuộc về Nội phủ, tên gọi là “Nội phủ Hà Thanh xã” (xã Hà Thanh Nội phủ). Tờ kiếu năm Vĩnh Thịnh thứ 17 (1721) cho biết: vì “*vào tiền triều có lập 3 chiếc thuyền lưới phò tá đức Tiên vương có công*” nên “*được cho bằng miễn nạp thuế cá mắm và thuế ghe. Hết hàng năm vào các ngày lễ Tết Nguyên Đán và lễ húy kỵ chỉ dâng lên mắm muối và làm lưới dày. Từ đó đến nay đều chuẩn (miễn) thuế mắm và (được) bủa lưới ngoài biển đã thành lệ cũ...*” [10]. Trong các tờ thị năm Dương Hòa thứ 2 (1636), năm Dương Hòa thứ 4 (1638), năm Chánh Hòa thứ 11 (1690), năm Chánh Hòa thứ 26 (1706), chúa Nguyễn đã cho dân làng Hà Thanh “*theo Nội phủ, hết hàng năm thường có ghe thuyền lên đầu nguồn, xuống biển làm củi hay bủa lưới, nếu qua tuần ty, tuần sát ở quan ải và các cửa sông thì nha môn xét đúng thực sẽ cho đi*”; “*các việc sưu sai và bắt lính đều cho đình bãi. Các quan ở huyện không được quấy nhiễu*” [9, tr. 86-89]. Như vậy, hàng năm người dân làng Hà Thanh được miễn làm việc sưu sai, không phải đi lính; đánh cá trên biển được miễn nạp thuế cá mắm, thuế ghe. Đổi lại, người dân làng Hà Thanh theo Nội phủ lên đầu nguồn, xuống cửa biển bủa lưới, hái củi cho phủ chúa và dâng lên mắm muối, lưới dày vào các ngày lễ Tết Nguyên Đán, lễ húy kỵ.

Làng An Bằng và Mỹ Lợi cũng nhận được đặc ân tương tự. Hai làng này được lệ vào phủ chúa (Nội phủ) để làm việc, nộp các sản vật, được miễn một số loại thuế, tạp dịch, miễn đi lính. Dân làng An Bằng được cho miễn đi lính, hàng năm nộp cá vược lên phủ chúa và “*theo Nội phủ làm việc, hàng năm có ghe đến hai xứ Quảng Nam,*

Thuận Hóa mua chở thóc gạo, vật hạng địa phương như các thuyền nhà nước” [2, tr. 186]. Làng Mỹ Lợi cũng được theo Nội phủ làm việc, được miễn thuế má, tạp dịch, hàng năm nộp củ mài dâng lên các ngày lễ Tết Nguyên Đán, lễ Vạn Thọ và cúng giỗ các từ đường bên nội lẫn bên ngoại của chúa Nguyễn. Các tờ thị năm Chính Hòa thứ 9 (1688), Cảnh Hưng 26 (1765) của làng Mỹ Lợi cho biết: “Do đời trước cha ông theo Tiên vương [chúa Tiên] ửng nghĩa có công, nay đem việc ấy xin với Nội phủ. Vì vậy, chuẩn cho cả phường từ nay về sau theo Nội phủ làm các việc, hàng năm đem nộp củ mài, còn những thứ thuế má tạp dịch đều miễn hết” [2, tr. 235 - 238].

Như vậy, so với phần lớn các làng xã khác trên vùng đất ven biển Thừa Thiên Huế, làng Hà Thanh có mối quan hệ đặc biệt với Nội phủ của chính quyền chúa Nguyễn. Hàng năm, dân làng Hà Thanh theo Nội phủ để làm một vài việc cũng như dâng sản vật lên phủ chúa. Ngược lại, họ được miễn sưu sai, đi lính, thuế cá mắm, thuế ghe, không bị quan lại sách nhiễu. Điều này có được là công lao của hai vị có công đầu lập làng. Làng An Bằng và Mỹ Lợi cũng nhận được chính sách ưu đãi tương tự với Hà Thanh.

3. KẾT LUẬN

Làng Hà Thanh được thành lập vào khoảng giữa thế kỷ XVI dưới thời chúa Nguyễn Hoàng giống với nhiều làng như, An Dương, Phương Diên, Diên Lộc, Mai Vĩnh, Khánh Mỹ, Tân Sa, Kế Võ, Xuân Thiên, An Bằng, Mỹ Lợi, Mỹ Á và Phụ An. Quá trình tụ cư, khai phá làng Hà Thanh kéo dài qua nhiều thế kỷ, từ giữa thế kỷ XVI cho đến thời hiện đại. Tuy nhiên, quá trình đó diễn ra nhanh chóng nhất là trong khoảng 1 thế kỷ, từ giữa thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVII. Cho đến đầu thế kỷ XIX, cơ bản các dòng họ lớn của làng Hà Thanh đã có mặt đầy đủ trên vùng đất này. Trật tự của các họ tộc ở Hà Thanh được thiết lập khá chặt chẽ gắn liền với công lao khai phá tạo lập nên ngôi làng này. Lớp họ thứ nhất là Nguyễn Công và Phan với vị trí tiền khai canh; lớp họ thứ hai khai canh là Trần, Đỗ - đồng hàng khai canh với con của hai vị tiền khai canh; lớp họ thứ ba gồm Nguyễn Viết, Nguyễn Văn, Dương, Lê là những họ khai khẩn. Khoảng cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, Hà Thanh mới có thêm các họ Nhậm (sau đổi thành họ Dụng), Hồ, Đào, Huỳnh, Võ đến quần tụ sinh sống tại làng.

Những lớp cư dân người Việt đến khai phá làng xã ở ven biển Thừa Thiên Huế từ nhiều nơi khác nhau và cũng có thành phần xuất thân khác nhau. Họ di dân đến để tụ cư tại vùng đất này theo hai hình thức là di dân có tổ chức và di dân tự do. Các cư dân đến tụ cư ở làng Hà Thanh cũng theo hai hình thức này; trong đó, theo hình thức có tổ chức là hai ông Nguyễn Công Chánh và Phan Bá Tùng; trường hợp di dân tự do là các ông họ Trần, Đỗ, Nguyễn Viết, Nguyễn Văn, Dương, Lê, Nhậm (Dụng), Hồ, Đào, Huỳnh, Võ. Điểm nổi bật là một số người xuất thân từ binh lính, quan quân hoặc có công phò tá chúa Nguyễn đã chọn vùng đất ven biển để lập làng; trong đó có ông

Nguyễn Công Chánh và ông Phan Bá Tùng - hai vị tiền khai canh của làng Hà Thanh. Do đó, làng Hà Thanh được chúa Nguyễn ban “ân huệ” đặc biệt. Điều này đã tạo nên nét đặc biệt trong văn hóa làng xã ở vùng ven biển Thừa Thiên Huế nói chung, làng Hà Thanh nói riêng. Đồng thời, cũng thể hiện mối quan hệ “làng - nước” rất đặc trưng ở một số làng xã nơi đây với chính quyền chúa Nguyễn.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ một phần bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: 601.99-2020.302. Nhân đây, xin được cảm ơn NAFOSTED đã tài trợ cho nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Dương Văn An (2015). *Ô châu cận lục*, Trần Đại Vinh hiệu đính - dịch chú, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [2]. Bảo tàng Văn hóa dân gian Huế (2008). *Văn bản Hán Nôm làng xã vùng Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [3]. Bản kê khai về ruộng đất và thuế của ấp Hà Thanh, năm Minh Mạng thứ 11 (1830), lưu tại Hòm bộ làng Hà Thanh, xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- [4]. Nguyễn Văn Đăng (2010). “Một số vấn đề về làng xã ven biển miền Trung qua tư liệu Hán Nôm làng Hà Thanh”, *Văn hóa - Lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [5]. Địa bạ phường khách hộ Hà Thanh, năm Gia Long thứ 11 (1812), lưu tại Hòm bộ làng Hà Thanh, xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- [6]. Mai Văn Đước (2019). “Quá trình hình thành và phát triển làng xã ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế từ giữa thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVIII”, Luận văn Thạc sĩ, Chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.
- [7]. Lê Quý Đôn (2015). *Phủ biên tạp lục*, Bản dịch & bổ chính: Trần Đại Vinh, Nxb Đà Nẵng.
- [8]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [9]. Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế, Thư viện Tổng hợp tỉnh (2022). *Văn thư - đơn từ Hán Nôm các làng tại tỉnh Thừa Thiên Huế*, tuyển dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [10]. Tờ kiếu năm Vĩnh Thịnh 17 (1721), lưu tại Hòm bộ làng Hà Thanh, xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- [11]. Tờ trình kê khai về sổ sách cũ ghi chép ruộng đất và thuế của ấp Hà Thanh, năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), lưu tại Hòm bộ làng Hà Thanh, xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- [12]. Tờ trình về việc tu điền bạ của ấp Hà Thanh, năm Kiến Phúc nguyên niên (1884), lưu tại Hòm bộ làng Hà Thanh, xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- [13]. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2005). *Địa chí Thừa Thiên Huế*, Phần Tự nhiên, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [14]. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2013). *Địa chí Thừa Thiên Huế*, Phần Dân cư và Hành chính, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [15]. Trần Đại Vinh (1995). *Tuyển dịch tư liệu văn bản Hán Nôm làng Hà Thanh, xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang*, Tài liệu do làng Hà Thanh cung cấp.
- [16]. Trần Đại Vinh (2006). *Văn bia & văn chuông Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

**THE PROCESS OF RESIDENTIAL GATHERING AND LAND EXPLOITATION
OF HA THANH VILLAGE (VINH THANH COMMUNE,
PHU VANG DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE)
FROM THE MID-16th CENTURY TO THE EARLY 19th CENTURY**

Mai Van Duoc

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: maiduoc@husc.edu.vn

ABSTRACT

Ha Thanh village located in Vinh Thanh commune, Phu Vang district, Thua Thien Hue province and was established in the mid-16th century during the reign of Lord Nguyen Hoang. The Nguyen Cong, Phan, Tran, Do, Nguyen Viet, Nguyen Van, Duong and Le clans successively settled in Ha Thanh selecting the land as a place to exploit, and make their living. In the late 18th century and early 19th century, Ha Thanh village saw the arrival of additional clans including Nham (later changed to Dung), Ho, Dao, Huynh, and Vo who settled down to live in the village. The land exploitation took place in the context of migration and land exploitation of the coastal land of Thua Thien Hue under Nguyen Lords is fast. Ha Thanh village maintained a special relationship with the Nguyen Lord's government and was granted special preferential policies by the Nguyen Lords. This created a unique feature in the village culture in Ha Thanh in particular and Thua Thien Hue province in general.

Keywords: Exploit, Ha Thanh village, residential gathering.



Mai Văn Được sinh ngày 20/7/1993 tại Thừa Thiên Huế. Ông học cử nhân Lịch sử từ 2011 đến 2015 tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2019, ông nhận học vị Thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ năm 2016 đến nay, ông công tác tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, làng xã Việt Nam, dòng họ Việt Nam.